TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN MƯỜNG LA** **TỈNH SƠN LA**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 83/2023/HNGĐ-ST
Ngày 22-8-2023.
V/v: Ly hôn giữa chị Quỳnh và anh Phượng.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MƯỜNG LA, TỈNH SƠN LA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Minh Tuấn.

Các Hội thẩm nhân dân:

1 – Ông Quàng Văn Mầng.

2 – Ông Lò Văn Khẹt.

- Thư ký phiên toà: Ông Quàng Công Thành – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mường La, tỉnh Sơn La.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mường La tham gia phiên tòa: Ông Lường Văn Hoan - Kiểm sát viên.

Ngày 22/8/2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mường La, tỉnh Sơn La, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 104/2023/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 6 năm 2023, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 136/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 8 năm 2023 về việc: Tranh chấp ly hôn, giữa:

1. Nguyên đơn: Chị CTQ, sinh năm 1990.

Trú tại: Bản P, xã MC, huyện Mường La, tỉnh Sơn La. Có mặt.

2. Bị đơn: Anh LVP, sinh năm 1989.

Trú tại: Bản P, xã MC, huyện Mường La, tỉnh Sơn La. Có mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam, chi nhánh huyện Mường La (Agribank). Địa chỉ: tiểu khu 3, thị trấn Ít Ong, huyện Mường La, tỉnh Sơn La.

Người đại diện hợp pháp: Ông Trương Công Hoàng – Giám đốc, ông Nguyễn Minh Đức – Trưởng phòng kinh doanh. Có đề nghị xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 25/4/2023 và trong quá trình xét xử nguyên đơn chị CTQ trình bày:

Chị và anh LVP kết hôn trên cơ sở tự nguyện, ngày 20/11/2020 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Bon Phặng, huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La. Cuộc sống chung hạnh phúc đến năm 2021 phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân hai người bất đồng quan điểm sống, có dẫn không hợp nhau. Mặc dù đã được gia đình hai bên khuyên giải nhưng không khắc phục được. Từ đầu năm 2023 hai người sống không quan tâm đến cuộc sống của nhau. Chị CTQ xác định tình cảm vợ chồng không còn, yêu cầu được ly hôn anh LVP.

Về con chung: Có một con là LKĐ, sinh ngày 20/7/2021. Chị xin được nuôi dưỡng con, chị yêu cầu anh LVP phải cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000, đồng.

Về tài sản chung: Có thửa đất diện tích 690,1m^2, nhận chuyển nhượng của ông CVT, bà CTL. Địa chỉ: Bản Co Chai, xã MC, huyện Mường La, tỉnh Sơn La. Đất được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số seerri 331019, số vào sổ cấp GCN:CH00078, Quyết định số 1192/QĐ-UBND ngày 03/6/2014; thửa số 65; tờ bản đồ 97; đất ở 400m^2; 290,1m^2 đất trồng cây lâu năm. Chị được góp trả 30.000.000, đồng, anh Phượng vay nợ ngân hàng trả 160.000.000, đồng.

Chị yêu cầu chia số tài sản trên, sau khi Tòa án thông báo nộp tạm ứng chi phí xem xét tại chỗ, định giá chị không nộp và nhất trí nhận 25.000.000, đồng chênh lệch tài sản.

Về tài sản riêng: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Hai vợ chồng có vay nợ Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam, chi nhánh huyện Mường La, ngày vay 08/02/2021. Số tiền gốc vay 150.000.000, đồng, thanh toán trả nợ bằng lương của anh LVP, tính đến nay đã trả 87.000.000, đồng còn nợ 63.000.000, đồng. Chị yêu cầu để anh LVP là người trả nợ.

Bị đơn anh LVP trình bày: Anh xác nhận quan hệ hôn nhân giữa chị CTQ và anh LVP. Xác nhận nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng do bất đồng quan điểm sống, chị CTQ ghen tuông mù quáng. Nay chị CTQ xin ly hôn, anh không nhất trí.

Về con chung: Có một con là LKĐ, sinh ngày 20/7/2021. Anh có nguyện vọng xin được trực tiếp nuôi con và không yêu cầu chị CTQ cấp dưỡng.

Về việc chị CTQ yêu cầu anh cấp dưỡng anh cho rằng là quá cao so với thu nhập của anh, đề nghị xem xét mức cấp dưỡng theo pháp luật.

Về tài sản chung: Chủ yếu vật dụng trong gia đình chị CTQ đã lấy hết phần của mình.

Về tài sản riêng: Có thửa đất diện tích 690,1m^2, nhận chuyển nhượng của ông CVT, bà CTL. Địa chỉ: Bản Co Chai, xã MC, huyện Mường La, tỉnh Sơn

La. Đất được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số seerri 331019, số vào sổ cấp GCN:CH00078, Quyết định số 1192/QĐ-UBND ngày 03/6/2014; thửa số 65; tờ bản đồ 97; đất ở 400m^2; 290,1m^2 đất trồng cây lâu năm. Trong đó chị CTQ được góp trả 20.000.000, đồng, còn lại anh LVP vay nợ trả.

Về nợ chung: Hai vợ chồng có vay nợ Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam, chi nhánh huyện Mường La, ngày vay 08/02/2021. Số tiền gốc vay 150.000.000, đồng, thanh toán trả nợ bằng lương của anh LVP, tính đến nay đã trả 87.000.000, đồng còn nợ 63.000.000, đồng. Anh LVP nhất trí là người trả nợ.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam, chi nhánh huyện Mường La (Agribank) trình bày:

Căn cứ vào HĐTD số 7905LAV2021000066 ngày 08/02/2021. Hai vợ chồng chị CTQ và anh LVP có vay nợ Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam, chi nhánh huyện Mường La, ngày vay 08/02/2021. Số tiền gốc vay 150.000.000, đồng, thanh toán trả nợ bằng lương của anh LVP, tính đến nay đã trả 87.000.000, đồng còn nợ 63.000.000, đồng. Nay Ngân hàng yêu cầu anh LVP là người trả nợ.

Ý kiến của Kiểm sát viên: Việc áp dụng pháp luật tố tụng dân sự của Thẩm phán và Hội đồng xét xử đúng quy định.

Về nội dung:

Căn cứ Điều 37; khoản 1 Điều 56; các Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5; điểm a khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về Án phí, Lệ phí Toà án:

Có căn cứ xử cho chị CTQ được ly hôn anh LVP.

Giao cho chị CTQ trực tiếp nuôi con LKĐ, sinh ngày 20/7/2021. Anh LVP phải cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 900.000, đồng (chín triệu đồng). Thời gian cấp dưỡng kể từ tháng 9/2023.

Về tài sản: Căn cứ điểm đ Điều 217 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đình chỉ giải quyết về yêu cầu chia tài sản của chị CTQ và anh LVP và không giải quyết trong vụ án này. Chị CTQ và anh LVP có quyền khởi kiện lại để giải quyết bằng vụ án khác.

Về nợ: Anh LVP có trách nhiệm trả nợ cho Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam, chi nhánh huyện Mường La: Khoản nợ là 63.000.000, đồng (sáu mươi ba triệu đồng). Theo Hợp đồng tín dụng số 7905LAV2021000066 ngày 08/02/2021. Thời điểm trả tính đến ngày 24/7/2023.

Về án phí: Chị CTQ phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Anh LVP phải chịu án phí cấp dưỡng theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên toà, căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên toà và các quy định của pháp luật. Tòa án phân tích, đánh giá, nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam, chi nhánh huyện Mường La có đơn đề nghị xử vắng mặt tại phiên tòa, căn cứ theo quy định Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự có đủ căn cứ xử vắng mặt Ngân hàng.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị CTQ và anh LVP có đăng ký kết hôn, có tìm hiểu, tự nguyện là đúng pháp luật. Cuộc sống chung hoà thuận thời gian đầu, mâu thuẫn vợ chồng chủ yếu do hai người bất đồng quan điểm sống. Hiện hai người sống ly thân không quan tâm đến cuộc sống của nhau, xét mâu thuẫn vợ chồng không khắc phục được là có căn cứ.

Xét thấy: Mâu thuẫn vợ chồng chị CTQ và anh LVP đã được gia đình và chính quyền khuyên giải, đã kéo dài, trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, nay chị CTQ yêu cầu được ly hôn là có căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình. Cần chấp nhận xử cho chị CTQ được ly hôn anh LVP.

[3] Về con chung: Có một con là LKĐ, sinh ngày 20/7/2021. Căn cứ vào nguyện vọng của chị CTQ xin được trực tiếp nuôi dưỡng con, do cháu còn nhỏ dưới 36 tháng tuổi. Cần giao cho chị CTQ trực tiếp nuôi con.

Về cấp dưỡng: Chị CTQ yêu cầu anh LVP phải cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000, đồng. Xét thu nhập thực tế của anh LVP và nghĩa vụ phải trừ qua lương của anh LVP, cần chấp nhận một phần yêu cầu của chị CTQ, Buộc anh LVP cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 900.000, đồng một tháng, thời gian cấp dưỡng từ tháng 9/2023, theo quy định của các Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

[4] Về tài sản chung: Chị CTQ cho rằng hai vợ chồng mua chung thửa đất diện tích 690,1m^2, nhận chuyển nhượng của ông CVT, bà CTL. Địa chỉ: Bản Co Chai, xã MC, huyện Mường La, tỉnh Sơn La. Đất được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số seerri 331019, số vào sổ cấp GCN:CH00078, Quyết định số 1192/QĐ-UBND ngày 03/6/2014; thửa số 65; tờ bản đồ 97; đất ở 400m^2; 290,1m^2 đất trồng cây lâu năm. Chị được góp trả 30.000.000, đồng, anh LVP vay nợ ngân hàng trả 160.000.000, đồng. Anh LVP cho là tài sản riêng và chị CTQ có công góp 20.000.000, đồng.

[5] Về tài sản riêng: Anh LVP cho là thửa đất diện tích 690,1m^2, nhận chuyển nhượng của ông CVT, bà CTL. Địa chỉ: Bản Co Chai, xã MC, huyện Mường La, tỉnh Sơn La. Đất được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số seerri 331019, số vào sổ cấp GCN:CH00078, Quyết định số 1192/QĐ-UBND ngày 03/6/2014; thửa số 65; tờ bản đồ 97; đất ở 400m^2; 290,1m^2 đất trồng cây

lâu năm là tài sản riêng. Tuy nhiên anh lại thừa nhận chị CTQ có công góp 20.000.000, đồng. Do đó căn cứ Điều 33 của Luật Hôn nhân và Gia đình xác định nguồn gốc đất nêu trên do hai người góp tiền để nhận chuyển nhượng, nên đây là tài sản chung của hai vợ chồng.

Xét do hai người có tranh chấp về tài sản nêu trên, để có căn cứ giải quyết phân chia theo quy định của pháp luật. Tòa án đã thông báo tạm nộp chi phí thẩm định xem xét tại chỗ và định giá tài sản. Nhưng anh LVP và chị CTQ đều không nộp, mặc dù đã được giải thích quy định của pháp luật. Căn cứ điểm đ Điều 217 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đình chỉ giải quyết về yêu cầu chia tài sản của chị CTQ và anh LVP và không giải quyết trong vụ án này.

[6] Về nợ chung: Chị CTQ, anh LVP và Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam, chi nhánh huyện Mường La đều công nhận theo HĐTD số 7905LAV2021000066 ngày 08/02/2021. Số tiền gốc vay 150.000.000, đồng, thanh toán trả nợ bằng lương của anh LVP, tính đến nay đã trả 87.000.000, đồng còn nợ 63.000.000, đồng. Nay Ngân hàng yêu cầu anh LVP là người trả nợ là có căn cứ chấp nhận.

Chị CTQ chịu án phí dân sự sơ thẩm, anh LVP phải chịu án phí cấp dưỡng theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 37; khoản 1 Điều 56; các Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 4 Điều 147, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5; điểm a khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về Án phí, Lệ phí Toà án:

1. Xử cho chị CTQ được ly hôn anh LVP.

2. Giao cho chị CTQ trực tiếp nuôi con LKĐ, sinh ngày 20/7/2021. Anh LVP phải cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 900.000, đồng (chín trăm nghìn đồng). Thời gian cấp dưỡng kể từ tháng 9/2023.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con, không ai được cản trở người đó thực hiện quyền này, không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con.

3. Về tài sản: Căn cứ điểm đ Điều 217 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đình chỉ giải quyết về yêu cầu chia tài sản của chị CTQ và anh LVP và không giải quyết trong vụ án này. Chị CTQ và anh LVP có quyền khởi kiện lại để giải quyết bằng vụ án khác.

4. Về nợ: Anh LVP có trách nhiệm trả nợ cho Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam, chi nhánh huyện Mường La: Khoản nợ là

63.000.000, đồng (sáu mươi ba triệu đồng). Theo Hợp đồng tín dụng số 7905LAV2021000066 ngày 08/02/2021. Thời điểm trả tính đến ngày 24/7/2023.

5. Về án phí: Chị CTQ phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000, đồng (ba trăm nghìn đồng) được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0003850 ngày 05/6/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mường La, tỉnh Sơn La. Anh LVP phải chịu 300.000, đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí cấp dưỡng.

Chị CTQ, anh LVP được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, ngày 22/8/2023.

Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam, chi nhánh huyện Mường La được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án".

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ
(Ký tên, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

NGUYỄN MINH TUẤN

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Sơn La;
- VKSND huyện Mường La (2);
- Chi cục THADS huyện Mường La;
- UBND xã Bon Phặng, huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La (để vào sổ hộ tịch);
- Các đương sự (3);
- Lưu: Hồ sơ, án văn.